



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN +

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Bến Tre, ngày 09 tháng 05 năm 2022

NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Nhằm đảm bảo đúng tiến độ thời gian làm việc theo Chương trình Đại hội, Ban Tổ chức Đại hội xin thông qua dự kiến chương trình Đại hội như sau:

STT	Thời gian	Nội dung
1	13h30 – 14h00	Thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.
2	14h00 – 14h15	Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu.
3	14h15 – 14h25	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.
4	14h25 – 14h40	Giới thiệu và thông qua - Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế Bầu cử - Đoàn Chủ tọa: 1. Ông Đặng Đức Thành – Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa. 2. Bà Đặng Bích Hồng – TV HĐQT, Tổng giám đốc. - Thư ký Đại hội: 1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy – Thư ký HĐQT. - Ban Kiểm phiếu Đại hội: 1. Ông Hàng Nhật Quang – Trưởng ban. 2. Nguyễn Minh Cường – Thành viên => Xin ý kiến Đại hội – giờ thể biểu quyết
5	14h40 – 14h45	- Báo cáo hoạt động năm 2021 của HĐQT; - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, Kế hoạch hoạt động năm 2022 và định hướng trong các năm sắp tới.
6	14h55 – 15h10	- Báo cáo hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát

7	15h10 – 15h40	- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán Thông qua các tờ trình: - Bầu Thành viên độc lập Hội đồng quản trị. - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022; - Kế hoạch lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022; - Lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2022. - Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; - Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; - Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư; - Thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh.
10	15h40 – 16h10	Cổ đông thảo luận, đưa ra ý kiến và phản trả lời của Chủ tọa
11	16h10 – 16h20	Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội
12	16h20 – 16h35	Nghỉ giải lao
13	16h35 – 17h00	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội
		Thông qua Nghị quyết Đại hội
		Bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
Chủ tọa



ĐẶNG ĐỨC THÀNH



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN +

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Số: 01/2022/QC - ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 14 tháng 03 năm 2022

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GREEN+

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Tập đoàn Green+ ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (ĐHĐCĐ) của Công ty Cổ Phần Tập đoàn Green+ (Green+), đồng thời quy định điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, các nguyên tắc và phương thức biểu quyết các nội dung trong chương trình Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và các bên được quyền tham dự họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Quy chế này.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Tất cả các Cổ đông hoặc đại diện hợp lệ của Cổ đông đều có quyền tham dự Đại hội, phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình Đại hội.

2. Cổ đông hoặc đại diện hợp lệ của Cổ đông tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo: (1) Thư mời họp; (2) Giấy CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu bản chính; (3) Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký nhưng không có quyền tham gia biểu quyết những nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó khi Cổ đông chưa có mặt (nghĩa là hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi).

5. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Green+ 10 ngày trước khi cuộc họp ĐHĐCĐ chính thức diễn ra. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần Cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Điều kiện để tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông **được tiến hành** khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho **ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết** theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 04/03/2022 tham dự Đại hội. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp, tham chiếu Điều 18, Điều lệ Công ty để thực hiện.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 do Chủ tọa đoàn đã được Đại hội thông qua chủ trì. Các Cổ đông phải tuân theo sự điều hành của Chủ tọa đoàn và chấp thuận kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ, nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội thuộc thẩm quyền quyết định của Cổ đông.

2. Cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến xin đăng ký với Ban Tổ chức Đại hội hoặc giao tay, Chủ tọa sẽ mời từng cổ đông phát biểu. Cổ đông không được phát biểu những nội dung không liên quan đến Chương trình Đại hội.

Điều 6. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký Đại hội ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội. Biên bản và Nghị quyết Đại hội được đọc, thông qua trước khi bế mạc cuộc

họp, được lưu giữ tại Công ty, công bố thông tin trong vòng 24h trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty www.greenplus.group chuyên mục Nhà đầu tư.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách Cổ đông

Ban thẩm tra tư cách Cổ đông có trách nhiệm:

- Lập danh sách Cổ đông tham dự Đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra Đại hội.
- Nhận và kiểm tra các giấy CMND/Căn cước công dân/hộ chiếu, Giấy ủy quyền (nếu có) của Cổ đông tham dự Đại hội.
- Kiểm tra thành phần, số lượng Cổ đông đi dự.
- Lập Báo cáo thẩm tra tư cách Cổ đông và thông qua tại Đại hội.
- Phát phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử cho Cổ đông trước khi vào dự họp.
- Ban thẩm tra tư cách Cổ đông có nghĩa vụ tuyệt đối trung thực, cẩn trọng khi thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đoàn, Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu

1. Chủ tọa đoàn

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ. Hỗ trợ Chủ tọa có một số thành viên khác cùng tham gia để điều hành cuộc họp.
- Có quyền điều khiển Đại hội thực hiện chương trình làm việc hợp lệ, có trật tự.
- Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của Đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.
- Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp, khi nhận thấy rằng:
 - + Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - + Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - + Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội dự định khai mạc.
- Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

2. Ban Thư ký Đại hội

Ban Thư ký Đại hội có nhiệm vụ giúp việc cho Chủ tọa đoàn:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ diễn biến của cuộc họp ĐHĐCĐ và những vấn đề các Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông thông qua hoặc lưu ý tại Đại hội.

- Tổng hợp các ý kiến của Cổ đông trong quá trình diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ và gửi cho Ban chủ tọa.
- Công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.
- Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

3. Ban Kiểm phiếu

Do Chủ tọa giới thiệu để Đại hội thông qua, Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Tiến hành kiểm thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử.
- Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các Cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội.
- Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung xin ý kiến.
- Lập Biên bản kiểm phiếu và thông qua tại Đại hội.
- Bàn giao các Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử đã niêm phong cho Ban tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Ban Kiểm phiếu có nghĩa vụ tuyệt đối trung thực, cẩn trọng khi thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

CÁC NỘI DUNG TẠI ĐẠI HỘI

Điều 9. Các quy định chung về biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- Mỗi Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền, gọi chung là Cổ đông đến dự Đại hội sẽ được Ban thẩm tra tư cách Cổ đông phát phiếu biểu quyết và thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, tên (họ và tên đối với cá nhân) của Cổ đông, tên (họ và tên đối với cá nhân) đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của Cổ đông và đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.
- Cổ đông có thể được nhận hơn một phiếu biểu quyết và thẻ biểu quyết trong trường hợp cổ đông đó có thêm ủy quyền hợp lệ mà Ban Tổ chức không kịp gộp các thẻ biểu quyết làm một.

Điều 10. Thẻ thức biểu quyết bằng thẻ biểu quyết

- Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng **Thẻ biểu quyết**.
- Cổ đông đưa ra một trong các quyết định sau đối với từng nội dung trình Đại hội đồng cổ đông trên Thẻ biểu quyết.
 - + “Tán thành”
 - + “Không tán thành”
 - + “Không có ý kiến”

Điều 11. Nguyên tắc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng thẻ biểu quyết

1. Đối với mỗi nội dung biểu quyết trên thẻ biểu quyết, Cổ đông/đại diện được ủy quyền chọn một (01) trong ba (03) tình trạng biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) hoặc dấu (✓) vào tình trạng biểu quyết. Trong trường hợp muốn sửa đổi, phải gạch bỏ đề ngang lên cột đã đánh dấu, ký tên ngay bên cạnh chỗ đã gạch bỏ và đánh dấu ở cột muốn chọn.
2. Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ:
 - Theo mẫu “Thẻ biểu quyết” của Green+, có đóng dấu treo Công ty.
 - “Thẻ biểu quyết” không bị rách, tẩy xóa, cạo sửa.
 - Chỉ đánh dấu chọn duy nhất một (01) trong ba (03) tình trạng biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” đối với từng nội dung lấy ý kiến.
3. Thẻ biểu quyết không hợp lệ: là các thẻ không đáp ứng được một trong các điều kiện của thẻ biểu quyết hợp lệ.
 - Không theo mẫu “Thẻ biểu quyết” của Green+, không có đóng dấu treo Công ty.
 - “Thẻ biểu quyết” bị rách, tẩy xóa, cạo sửa.
 - “Thẻ biểu quyết” không cho ý kiến biểu quyết.
 - Đánh dấu chọn hai (02) hoặc ba (03) tình trạng biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” đối với từng nội dung lấy ý kiến.

Điều 12. Kiểm tra và tổng hợp kết quả

1. Thẻ biểu quyết sau khi được thu thập sẽ được kiểm tra về tính hợp lệ của thẻ biểu quyết.
2. Thẻ biểu quyết sau khi được kiểm tra và nhập liệu từng nội dung biểu quyết vào phần mềm kiểm phiếu sẽ được tổng hợp để xác định kết quả kiểm phiếu và lập thành Biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ số cổ phần biểu quyết cho từng nội dung biểu quyết và tỷ lệ biểu quyết.
3. Khi tổng hợp kết quả, các thẻ biểu quyết: (1) *Không hợp lệ*; (2) *Thẻ chọn tình trạng không có ý kiến* được tổng hợp chung là **không có ý kiến**.
4. Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo từng nội dung biểu quyết và được tính theo phần trăm (%) làm tròn đến hai (02) số thập phân.

Điều 13. Thẻ thức biểu quyết trực tiếp bằng cách giơ phiếu biểu quyết

1. Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết bằng thẻ biểu quyết. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông đưa ra các quyết định bằng cách giơ PHIẾU BIỂU QUYẾT để đưa ra các ý kiến:
 - + “Tán thành” với nội dung trình Đại hội đồng cổ đông
 - + “Không tán thành” với nội dung trình Đại hội đồng cổ đông
 - + “Không có ý kiến” với nội dung trình Đại hội đồng cổ đông
2. Ban Kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm và thống kê tập hợp số thẻ biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến tương ứng với từng nội dung biểu quyết.

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

Kết quả kiểm phiếu được Trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp và bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu cho Chủ tọa.

Điều 14. Tỷ lệ biểu quyết tối thiểu để thông qua các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông

Các nội dung biểu quyết được thông qua khi có từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành đối với từng vấn đề sau đây:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022 và định hướng trong các năm sắp tới;
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021; Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022;
- Kế hoạch lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2022;
- Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS;
- Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư;
- Bầu cử Thành viên độc lập HĐQT.

Các nội dung biểu quyết được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành đối với vấn đề sau đây:

- Thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẶNG ĐỨC THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GREEN +

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Số: 02/2022/QC - ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 14 tháng 03 năm 2022

QUY CHẾ BẦU CỬ **Thành viên độc lập HĐQT** **Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua Quy chế bầu cử Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, như sau:

I. Nguyên tắc bầu cử và ghi thẻ bầu:

1. Việc bầu cử được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu
2. Mỗi cổ đông tham dự được phát 01 thẻ bầu cử. Mỗi thẻ bầu cử đại diện tổng số quyền bầu cử, bằng tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên tối đa được bầu của Hội đồng quản trị.
3. Cổ đông lựa chọn ứng cử viên trong danh sách ứng cử vào Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
4. Ứng cử viên đắc cử được chọn theo số phiếu được bầu từ cao đến thấp.
5. Thẻ bầu hợp lệ là thẻ bầu theo mẫu in sẵn của Ban tổ chức phát hành, có đóng dấu treo của Công ty, không được tẩy xóa, cạo sửa. Tổng số quyền bầu cho các ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng tổng số quyền bầu của cổ đông.
6. Thẻ bầu không hợp lệ là thẻ bầu không phải mẫu in sẵn của Ban tổ chức phát hành, không đóng dấu treo của Công ty, thẻ bầu quá số người quy định, ghi thêm tên người khác vào danh sách, tổng số quyền bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số quyền bầu của cổ đông.
7. Cổ đông ghi số quyền bầu cho ứng cử viên được chọn.
8. Trường hợp cổ đông đã chọn ứng cử viên nhưng muốn thay đổi thì gạch lên họ tên của ứng cử viên đó. Nếu đã gạch bỏ họ tên ứng cử viên nhưng muốn chọn lại ứng cử viên đó thì liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại thẻ bầu cử mới.
9. Trường hợp muốn sửa đổi số quyền bầu, phải gạch bỏ đề ngang lên số điểm biểu quyết đã ghi sai, ký tên ngay bên cạnh chỗ đã gạch bỏ và ghi lại số quyền bầu đúng. Nếu muốn tiếp tục sửa thì liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại thẻ bầu cử mới.

II. Nguyên tắc bầu dồn phiếu:

1. Số quyền bầu của cổ đông bằng tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền nhân (x) với số thành viên tối đa được bầu.
2. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông đối với ứng cử viên đó nhưng không được vượt quá số lượng thành viên cần bầu.
3. Cổ đông có thể chỉ sử dụng một phần số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc một số ứng cử viên (phần số phiếu bầu còn lại không bầu cho ai), tùy thuộc vào sự tín nhiệm của cổ đông đối với ứng cử viên đó nhưng không được vượt quá số lượng thành viên cần bầu.
4. Cổ đông có thể bảo lưu phiếu bầu, không sử dụng số phiếu bầu của mình để bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào, nếu không tín nhiệm.

***Ví dụ 1:** Số lượng thành viên bầu vào HĐQT là 2 người (trong số 2 người được giới thiệu). Ông X là cổ đông nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền bầu cử, như vậy quyền bầu cử HĐQT của ông X là $1.000 * 2 = 2.000$ phiếu.

Xin giới thiệu một số cách bỏ phiếu như sau:

STT	Tên ứng viên	Thẻ hợp lệ					Thẻ không hợp lệ	
		TH1	TH2	TH3	TH4	TH5	TH6	TH7
1	Nguyễn Văn A	1000	0	1500	0	1500	1000	2000
2	Nguyễn Văn B	1000	2000	500	0		2000	2000
Tổng cộng		2000	2000	2000	0	1500/2000	3000>2000	4000>2000

III. Quy định về trúng cử:

1. Số lượng ứng cử viên trúng cử theo tờ trình của HĐQT về việc bầu Thành viên độc lập HĐQT.
2. Người trúng cử Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là người nhận được sự tín nhiệm của Cổ đông thể hiện qua số biểu bầu và được xác định theo thứ tự tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng Thành viên độc lập Hội đồng quản trị cần bầu. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu ngang nhau và số lượng trúng cử vượt quá số lượng Thành viên độc lập Hội đồng quản trị cần bầu thì ứng cử viên nào đang có (hoặc đại diện) số cổ phần cao hơn sẽ được lựa chọn làm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; trường hợp số cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) ngang nhau thì việc lựa chọn sẽ do Đoàn Chủ tọa Đại hội quyết định theo phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp và thông qua.

IV. Kiểm phiếu, công bố kết quả, giải quyết khiếu nại:

1. Ngay sau khi chấm dứt việc bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu ngay tại Đại hội. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu đầy đủ các nội dung theo quy định.
2. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu ngay tại Đại hội.
3. Mọi ý kiến, khiếu nại liên quan đến việc bầu cử sẽ được giải quyết ngay tại Đại hội.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG ĐỨC THÀNH



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN +

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green+

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022 và định hướng trong các năm sắp tới với những nội dung chính như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

1. Tổng kết các hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

2. Kết quả thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

STT	Nội dung Nghị quyết	Tiến độ thực hiện
1	Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo phương án được ĐHĐCĐ Công ty thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật;	Đã thực hiện: - Ngày 19/01/2022 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng do UBCKNN cấp. - Đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đã kết thúc thành công vào ngày 08/03/2022. - Ngày 15/03/2022 đã nhận được công văn chấp thuận Báo cáo kết quả chào bán của Green+.
2	Ban hành mới Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	Đã ban hành Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty vào ngày 05/04/2021.
3	Chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động năm 2021: - Doanh thu thuần: 200 tỷ VND	Đã thực hiện: - Doanh thu thuần: 564,4 tỷ VND - Lợi nhuận trước thuế: 51,2 tỷ

	- Lợi nhuận trước thuế: 48 tỷ VND - Vốn điều lệ: 320 tỷ VND - Vốn chủ sở hữu: 390 tỷ VND	VND - Vốn điều lệ: 320 tỷ VND - Vốn chủ sở hữu: 429 tỷ VND
4	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021: - Quỹ khen thưởng phúc lợi: 3% LNST - Quỹ thù lao HĐQT, BKS: 3% LNST	Đã thực hiện đúng theo kế hoạch đã đề ra
5	Kế hoạch lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021: - Không vượt quá 3% lợi nhuận sau thuế (theo BCTC riêng của Công ty Mẹ)	Đã thực hiện đúng theo kế hoạch đã đề ra, chi tiết như sau: - Chủ tịch HĐQT: 192.500.000đ - Thành viên HĐQT: 60.000.000đ - Thư ký HĐQT: 15.000.000đ - Trưởng BKS: 50.000.000đ - Thành viên BKS: 15.000.000đ
6	Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC của Green+ trong các công ty kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; Công ty TNHH Price Waterhouse Cooper Việt Nam; Công ty TNHH KPMG Việt Nam..	Đã chọn và ký kết Hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

3. Tổng kết các cuộc họp và nghị quyết của HĐQT:

- Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành 12 cuộc họp, ban hành 12 Nghị quyết và 03 Quyết định để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT.
- Các cuộc họp của HĐQT đã mời Ban Tổng giám đốc tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HĐQT với Ban điều hành.
- Tỷ lệ tham dự họp của các thành viên:

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự
1	Đặng Đức Thành	Chủ tịch	03/07/2018	12/12 (100%)
2	Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên	03/07/2018	12/12 (100%)
3	Đặng Bích Hồng	Thành viên	09/01/2021	12/12 (100%)

4. Hoạt động giám sát Tổng giám đốc, Ban điều hành của Công ty:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu trọng yếu trong năm mà Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã cam kết theo đúng tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT.

- Thường xuyên chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- Hoàn thiện quy trình/quy chế phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.
- Đánh giá chung: Trong năm, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh được giao bởi ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19. Đồng thời, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định trong hoạt động điều hành, phân cấp quản trị theo Điều lệ, Quy chế quản trị, các quy chế nội bộ của GREEN+ cũng như các quyết định của HĐQT.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Năm 2022 sẽ là năm bản lề để HĐQT triển khai các hoạt động củng cố và đổi mới nhằm đem lại kết quả hoạt động kinh doanh khởi sắc và tạo bộ phận vững chắc cho các năm tiếp theo, cụ thể như:

- Tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh mặt hàng thực phẩm chức năng với mô hình vận hành chuỗi khép kín **Trồng Trọt – Sản Xuất – Hệ Thống Nhà Thuốc bán lẻ**, được triển khai bởi Green+ và các Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư bởi Green+. Đồng thời đẩy mạnh Giá trị thương hiệu Green+ thông qua các hoạt động mang tính cộng đồng.
- Hoàn thiện công tác nghiên cứu cho ra đời các dòng sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu và tình hình thị trường thời kỳ trong và sau đại dịch Covid.
- Triển khai và mở rộng vùng trồng nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đưa vào triển khai các dự án liên quan đến Bất động sản Công nghiệp và Dân dụng trên quỹ đất mà Green+ đang được giao và hợp tác.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021; Định hướng hoạt động năm 2021.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐẶNG ĐỨC THÀNH



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN +

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info.greenplus.group

Bến Tre, ngày 04 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green+

Ban kiểm soát (BKS) xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động và giám sát năm 2021 như sau:

I. Tổ chức bộ máy và hoạt động của BKS trong năm 2021

1. Thành phần, cơ cấu BKS:

BKS trực thuộc Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ gồm có 03 thành viên, trong đó:

STT	Họ tên	Chức danh	Vị trí	Ngày bắt đầu/ Kết thúc
1	Ông Hàng Nhật Quang	Không điều hành	Trưởng Ban	Bắt đầu từ 17/04/2021
	Ông Đỗ Khánh Vinh	Không điều hành	Trưởng Ban	Từ nhiệm từ 17/04/2021
2	Ông Trần Công Lộc	Giám đốc chi nhánh HCM	Thành viên	Bắt đầu từ 2018
3	Ông Nguyễn Minh Cường	Không điều hành	Thành viên	Bắt đầu từ 17/04/2021

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông:

BKS thực hiện giám sát thông qua:

- Trực tiếp theo dõi hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát hoạt động của Ban điều hành (BDH) thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.

- Tiếp xúc trực tiếp với thành viên BDH để nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Giám sát thông qua kênh báo cáo và tiếp xúc với Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Kiểm soát nội bộ và QLRR, Pháp chế,
 - Giám sát thông qua kênh báo cáo và tiếp xúc với Kiểm toán độc lập.
- 3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**
- BKS luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên BDH và các cán bộ quản lý liên quan trong khuôn khổ thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình.
 - Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của BKS.
 - BKS báo cáo định kỳ kết quả giám sát lên HĐQT.

II. Kết quả giám sát của BKS

1. Báo cáo tài chính và hệ thống kế toán:

- BKS ghi nhận và thông qua báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) năm 2021, theo đó BCTC năm 2021 đã được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), không phát hiện các sai sót trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực của BCTC. Cụ thể:
 - Không có biến động bất thường đối với doanh thu và lợi nhuận;
 - Không có giao dịch trọng yếu đặc biệt;
 - Không có giao dịch với các bên liên quan đáng lưu ý;
 - Không có thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán;
 - Không có gian lận sai sót.
- Ghi nhận các phát hiện, khuyến nghị của Kiểm toán độc lập trong Thư quản lý cũng như phản hồi của BDH. Đề nghị BDH thống nhất Kế hoạch thực hiện chi tiết các khuyến nghị với Kiểm toán độc lập.
- Ghi nhận sự nỗ lực của BDH trong việc tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) nói chung và quản lý công nợ nói riêng.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:

- BKS giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) và hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) thông qua báo cáo và các cuộc tiếp xúc, phỏng vấn trực tiếp với Bộ phận Kiểm toán nội bộ, KSNB và QLRR, Kiểm toán độc lập và các đơn vị, bộ phận chức năng của GREEN+.
- Công ty vẫn tiếp tục duy trì và phát triển phương pháp, chính sách, quy trình và khung quản trị rủi ro để có thể nhận dạng kịp thời, đánh giá phù hợp và có hành động xử lý rủi ro thích hợp.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ luôn được ưu tiên hoàn thiện để kiểm soát hiệu quả và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đối với rủi ro dịch bệnh COVID 19, Công ty vẫn đang theo dõi chặt chẽ, áp dụng các biện pháp phòng ngừa hiệu quả không chỉ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh mà cả đối với sự an toàn và sức khỏe của người lao động.
- BKS khuyến nghị Công ty tiếp tục duy trì khung QLRR và KSNB cũng như các hoạt động liên quan trong năm 2021.

3. Các vấn đề tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp:

Về tuân thủ pháp luật

- GREEN+ có Bộ phận tư vấn về pháp lý. Ngoài việc hỗ trợ các vấn đề pháp lý cho các đơn vị, Bộ phận này còn tổ chức theo dõi và cập nhật thường xuyên các quy định của pháp luật trong quản lý doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh nói chung, kinh doanh được phẩm nói riêng, đánh giá rủi ro pháp lý từ yếu tố chính sách đến việc áp dụng cụ thể tại Công ty, từ đó có khuyến nghị để đảm bảo GREEN+ tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật.

Về tuân thủ đạo đức nghề nghiệp

- Ban giám sát tuân thủ do Tổng Giám đốc làm Trưởng ban, có nhiệm vụ chính là tổ chức theo dõi việc tuân thủ các quy định nội bộ của công ty trong đó có các quy định về ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, phòng chống gian lận và tham nhũng. Trên cơ sở kết quả giám sát, Ban giám sát tuân thủ có trách nhiệm tổ chức và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và khắc phục hiệu quả.
- BKS đánh giá việc tuân thủ quy định nội bộ, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử ở GREEN+ vẫn là một trong các rủi ro trọng yếu và cần được quan tâm để có bước đi, biện pháp phù hợp.

4. Kiểm toán độc lập:

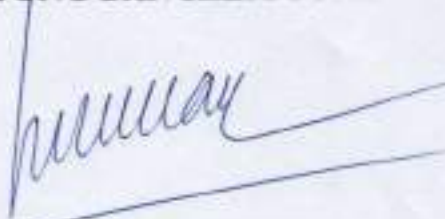
- BKS đánh giá đề xuất kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch kiểm toán 2021 của công ty kiểm toán độc lập Ernst & Young là phù hợp với yêu cầu của GREEN+ về phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian cũng như các yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của kiểm toán độc lập.
- Đối với việc thực hiện hợp đồng và kế hoạch kiểm toán 2021, Ernst & Young đã hoàn thành và đáp ứng được kỳ vọng của Ban kiểm soát trên cả 3 tiêu chí: Độ tin cậy của báo cáo kiểm toán, đáp ứng thời hạn báo cáo kiểm toán, và đóng góp cải thiện hệ thống KSNB.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



HÀNG NHẬT QUANG



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN +

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Bến tre, ngày 20 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green+

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+;

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên kết quả hoạt động của Công ty năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022 và định hướng trong các năm sắp tới với những nội dung chính như sau:

I. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM 2021

Kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất năm 2021, so sánh với năm 2020

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng/giảm 2020-2021
Tổng tài sản	174.785	443.791	154%
Doanh thu thuần	19.316	564.375	2.822%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.889	52.187	658%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.760	51.200	335%
Lợi nhuận sau thuế	10.086	41.692	313%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng công ty mẹ	10.069	37.765	275%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 và năm 2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Green+)

- Tổng tài sản năm 2020 khoảng 175 tỷ đồng, với mức vốn điều lệ là 120 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2021, tổng tài sản Công ty đã tăng lên hơn 443 tỷ, với mức vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 320 tỷ đồng (kể từ 31/03/2021), việc tăng vốn chủ yếu để đầu tư vào các mục đích phát triển hệ thống phân phối thông qua kênh nhà thuốc mang thương hiệu Green+. Bên cạnh đó, năm 2021 cũng là năm công ty có sự chuyển dịch trong cơ cấu hoạt động kinh doanh, theo đó, Công ty lại tập trung để phát triển mảng sản xuất và phân phối sản phẩm dược liệu và thảo dược, mang lại hiệu quả và lợi nhuận vượt trội hơn so với các năm trước.
- Trong năm 2021, tuy tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp và khó lường, nhưng kết quả kinh doanh của Công ty đã mang lại kết quả vượt mong đợi. Cụ thể, các chỉ tiêu quan trọng như doanh thu thuần và lợi nhuận đều ghi nhận những kết quả tích cực, doanh thu thuần đạt hơn 564,3 tỷ đồng, lợi nhuận thuần đạt hơn 52,2 tỷ đồng. Kết quả kinh doanh tích cực thể hiện sự linh hoạt, hiệu quả trong chỉ đạo và điều hành của Ban lãnh đạo Công ty, khả năng quản trị rủi ro và chủ động thích ứng trước những biến đổi khó lường của nền kinh tế toàn cầu.
- Trong bối cảnh dịch Covid hoành hành trong năm 2020-2021, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô kinh doanh, bố trí cho người lao động giảm việc làm hoặc thậm chí cắt giảm nhân sự, tuy nhiên đối với một số doanh nghiệp trong đó có Green+ vẫn đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Với sự nỗ lực phấn đấu và đoàn kết của tập thể CBCNV, dưới sự điều hành năng động, sáng tạo của Ban điều hành Công ty và hỗ trợ tối đa của HĐQT, GREEN+ đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 được ĐHCĐ giao, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của GREEN+ các năm tiếp theo.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2022

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021 (triệu đồng)	Kế hoạch Năm 2022 (triệu đồng)
Doanh thu thuần	564.375	600.000
Lợi nhuận trước thuế	51.200	70.000
Lợi nhuận sau thuế (CĐ Cty mẹ)	37.765	50.400
Vốn điều lệ	320.000	415.940
Vốn chủ sở hữu	429.083	550.000
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	6,7%	8,4%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021 (triệu đồng)	Kế hoạch Năm 2022 (triệu đồng)
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (%)	8,8%	10%
Cổ tức (%)	0%	12%

Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Green+

2. Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh nêu trên

Green+ quyết tâm hoàn thành kế hoạch nêu trên, với mục tiêu trở thành Tập đoàn chuyên ngành Dược phẩm trong top 5 của Việt Nam đến năm 2030. Định hướng kế hoạch của Công ty trong thời gian sắp tới cụ thể như sau:

Stt	Kênh bán hàng	Kế hoạch 2022	
		Phát triển điểm bán năm 2022 (điểm)	Doanh số 2022 (VNĐ)
1	KÊNH BÁN LẺ OTC	220	12.000.000.000
1.1	Nhà thuốc	200	11.800.000.000
1.2	Phòng khám, spa	20	200.000.000
2	KÊNH ĐẠI LÝ BÁN SỈ	5	2.200.000.000
2.1	Đại lý bán sỉ/bán buôn Chợ Dược...	5	2.200.000.000
3	KÊNH ĐẠI LÝ BÁN LẺ KHÁC	20	800.000.000
3.1	Đại lý online	5	200.000.000
3.2	Đại lý cá nhân/tổ chức khác	15	600.000.000
4	PHÒNG KINH DOANH KHAI THÁC TRỰC TIẾP (GỒM CÁC CỬA HÀNG GREEN+)		15.000.000.000
4.1	Bán hàng quà tặng Doanh nghiệp		8.500.000.000
4.2	Bán sỉ - lẻ trực tiếp		4.500.000.000
4.3	Bán online (qua website www.greenplus.group và các trang mạng xã hội như facebook,...)		2.000.000.000
TỔNG CỘNG		245	30.000.000.000

- Tăng cường đầu tư và phát triển các mảng hoạt động thông qua hoạt động bán hàng tại Green+ và công ty con của Green+:

- i. Công ty CP Organic Tiến Thịnh dự kiến mức doanh thu kế hoạch vào khoảng 500 tỷ đồng và đem lại lợi nhuận 35 tỷ đồng. Hoạt động chủ yếu của Công ty CP Organic Tiến Thịnh sẽ tập trung vào việc kinh doanh/phân phối các sản phẩm phân bón.
- ii. Mảng kinh doanh bất động sản của Công ty cổ phần Nhà Ở Tiêu Chuẩn Xanh Quốc Tế cũng kỳ vọng mang về 15 tỷ lợi nhuận từ việc đầu tư dự án và mua sỉ bán lẻ bất động sản.
- Bên cạnh đó, doanh thu kế hoạch từ hoạt động đầu tư tài chính của Công ty dự kiến vào khoảng 90 tỷ và đem lại lợi nhuận khoảng 24,5 tỷ đồng
- Kế hoạch chia cổ tức: 12%

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc đánh giá kết quả hoạt động của Công ty năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG ĐỨC THÀNH

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 32

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính theo GCNĐKDN của Công ty là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và cho thuê mặt bằng.

Công ty có năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Lâm Đồng, Bà Rịa – Vũng Tàu, An Giang và Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch	
Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Huây	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2021
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Nhật Quang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Đỗ Khánh Vinh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Công Lộc	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	từ nhiệm 5 tháng 4 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có công ty con được trình bày tại thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ngày 16 tháng 5 năm 2022

Số tham chiếu: 6321327/22692763

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 5 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1



Phạm Xuân Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4639-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 5 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		169.454.863.563	74.185.850.348
110	I. Tiền	4	8.959.413.292	23.502.729.226
111	1. Tiền		8.959.413.292	23.502.729.226
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	62.889.000.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		13.100.354.462	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(211.354.462)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		50.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		91.950.407.421	46.477.249.814
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	21.636.836.638	6.952.013.798
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	30.717.839.600	1.293.277.766
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	39.967.456.930	38.523.284.263
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(371.725.747)	(291.326.013)
140	IV. Hàng tồn kho	9	5.448.563.785	4.079.105.295
141	1. Hàng tồn kho		5.448.563.785	4.079.105.295
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		207.479.065	126.766.013
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	80.320.127	98.518.919
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	127.158.938	28.247.094
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		254.385.065.359	88.214.574.752
210	I. Khoản phải thu dài hạn		643.250.000	643.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	643.250.000	643.250.000
220	II. Tài sản cố định		11.786.630.838	8.884.602.404
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	9.059.024.594	6.097.000.000
222	Nguyên giá		9.870.500.000	6.532.500.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(811.475.406)	(435.500.000)
227	2. Tài sản vô hình	11	2.727.606.244	2.787.602.404
228	Nguyên giá		2.999.808.000	2.999.808.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(272.201.756)	(212.205.596)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	60.264.083.348	40.729.333.344
231	1. Nguyên giá		62.300.000.000	42.210.000.000
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.035.916.652)	(1.480.666.656)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	13	97.133.302	19.697.133.302
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		97.133.302	19.697.133.302
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	181.160.000.000	18.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		60.000.000.000	18.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		18.250.000.000	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		102.910.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		433.967.871	260.255.702
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	433.967.871	260.255.702
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		423.839.928.922	162.400.425.100

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.824.103.607	25.007.880.747
310	I. Nợ ngắn hạn		31.731.603.607	9.351.480.747
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	99.586.328	323.144.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.741.685.542	1.855.324.932
314	3. Phải trả người lao động		181.295	14.093.100
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	16.740.658
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	84.909.091
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	25.000.000.000	-
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	3.890.150.442	7.057.268.966
330	II. Nợ dài hạn		92.500.000	15.656.400.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	92.500.000	334.800.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	-	15.321.600.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		392.015.825.315	137.392.544.353
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	392.015.825.315	137.392.544.353
411	1. Vốn góp chủ sở hữu		320.000.000.000	120.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320.000.000.000	120.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.000.000.000	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.015.825.315	17.392.544.353
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		17.018.544.353	7.270.538.018
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		14.997.280.962	10.122.006.335
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		423.839.928.922	162.400.425.100

Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	11.091.526.157	17.112.868.170
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(5.696.912.256)	(11.155.639.348)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.394.613.901	5.957.228.822
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	27.679.782.539	9.586.548.343
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(4.262.582.019) (445.612.573)	(2.516.466.848) (2.077.295.896)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(2.593.377.861)	(1.340.867.645)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(7.637.808.509)	(4.771.332.968)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.580.628.051	6.915.109.704
31	9. Thu nhập khác	25	122.600.000	5.229.563.038
32	10. Chi phí khác	26	(1.109.966.486)	(358.310.139)
40	11. Lợi nhuận khác		(987.366.486)	4.871.252.899
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.593.261.565	11.786.362.603
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(2.595.980.603)	(1.664.356.268)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		14.997.280.962	10.122.006.335


Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng


Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2022

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.593.261.565	11.786.362.603
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	991.221.562	778.558.660
03	Dự phòng		80.399.734	291.326.013
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(20.192.654.496)	(6.681.492.243)
06	Chi phí lãi vay	23	445.612.573	2.077.295.896
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.082.159.062)	8.252.050.929
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(43.872.302.518)	11.905.257.739
10	Tăng hàng tồn kho		(1.369.458.490)	(2.320.948.016)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		24.373.317.050	(668.967.694)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(155.513.377)	7.534.851.105
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(12.889.000.000)	790.400.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(445.612.573)	(2.077.295.896)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(1.664.356.268)	(1.056.798.382)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(37.105.085.238)	22.358.549.785
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(3.828.000.000)	(19.690.909.095)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(50.000.000.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(213.160.000.000)	(16.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		68.000.000.000	29.835.324.000
27	Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		38.487.829	3.328.243
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(198.949.512.171)	(5.852.256.852)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	20.1	240.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	19	6.604.390.442	7.302.411.344
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(25.093.108.966)	(5.673.622.378)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		221.511.281.476	1.628.788.966

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(14.543.315.934)	18.135.081.899
60	Tiền đầu năm		23.502.729.226	5.367.601.280
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	46.047
70	Tiền cuối năm	4	8.959.413.292	23.502.729.226



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tăng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính theo GCNĐKDN của Công ty là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và cho thuê mặt bằng.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 23 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 23).

Công ty có năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Tỉnh An Giang và Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con được trình bày tại thuyết minh số 15 của báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty ("Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	10 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	40 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa

30 - 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	14.973.000	14.710.000
Tiền gửi ngân hàng	8.944.440.292	23.488.019.226
TỔNG CỘNG	8.959.413.292	23.502.729.226

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	12.544.354.462	12.427.000.000	(117.354.462)	-	-	-	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	556.000.000	462.000.000	(94.000.000)	-	-	-	
TỔNG CỘNG	13.100.354.462	12.889.000.000	(211.354.462)	-	-	-	

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây có kỳ hạn gốc là mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất là 4,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	15.884.386.638	6.952.013.798
Ông Lâm Văn Xuân	15.000.000.000	-
Ông Dương Quốc Thi	510.694.640	-
Ông Nguyễn Khắc Ghi	-	3.145.410.000
Bà Lâm Thị Bích Trâm	-	1.912.412.730
Khác	373.691.998	1.894.191.068
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	5.752.450.000	-
TỔNG CỘNG	21.636.836.638	6.952.013.798
Dự phòng phải thu khó đòi	(371.725.747)	(291.326.013)
GIÁ TRỊ THUẦN	21.265.110.891	6.660.687.785

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	291.326.013	291.326.013
Dự phòng trích lập trong năm	80.399.734	-
Số cuối năm	371.725.747	291.326.013

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tổng Đài Địa Ốc Việt Nam	29.000.000.000	-
Công ty Xây dựng Ngân Tháp	1.100.000.000	1.100.000.000
Ginseng and Herb Co-op	477.849.600	-
Khác	139.990.000	193.277.766
TỔNG CỘNG	30.717.839.600	1.293.277.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	39.967.456.930	38.523.284.263
Tạm ứng nhận viện	37.372.000.000	4.249.470.000
Phải thu lãi tiền gửi	2.154.166.667	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi	-	16.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	-	14.835.324.000
Phải thu khác	441.290.263	3.438.490.263
Dài hạn	643.250.000	643.250.000
Ký quỹ, ký cược	643.250.000	643.250.000
TỔNG CỘNG	40.610.706.930	39.166.534.263

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	5.244.024.520	3.902.107.614
Hàng gửi đi bán	172.503.062	144.961.478
Công cụ dụng cụ	32.036.203	32.036.203
TỔNG CỘNG	5.448.563.785	4.079.105.295

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	6.532.500.000	-	6.532.500.000
Mua trong năm	-	3.338.000.000	3.338.000.000
Số cuối năm	6.532.500.000	3.338.000.000	9.870.500.000
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(435.500.000)	-	(435.500.000)
Khấu hao trong năm	(163.312.500)	(212.662.906)	(375.975.406)
Số cuối năm	(598.812.500)	(212.662.906)	(811.475.406)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	6.097.000.000	-	6.097.000.000
Số cuối năm	5.933.687.500	3.125.337.094	9.059.024.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND
Quyền sử dụng đất

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm 2.999.808.000

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm (212.205.596)

Hao mòn trong năm (59.996.160)

Số cuối năm (272.201.756)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 2.787.602.404

Số cuối năm 2.727.606.244

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

Quyền sử dụng đất Nhà cửa, vật kiến trúc Tổng cộng

Nguyên giá:

Số đầu năm 20.000.000.000 22.210.000.000 42.210.000.000

Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang 20.090.000.000 - 20.090.000.000

Số cuối năm 40.090.000.000 22.210.000.000 62.300.000.000

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm - (1.480.666.656) (1.480.666.656)

Hao mòn trong năm - (555.249.996) (555.249.996)

Số cuối năm - (2.035.916.652) (2.035.916.652)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 20.000.000.000 20.729.333.344 40.729.333.344

Số cuối năm 40.090.000.000 20.174.083.348 60.264.083.348

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá thị trường của các khu đất liền kề, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng công ty tại Phước Kiển, Nhà Bè	-	19.600.000.000
Khác	97.133.302	97.133.302
TỔNG CỘNG	97.133.302	19.697.133.302

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	80.320.127	98.518.919
Khác	80.320.127	98.518.919
Dài hạn	433.967.871	260.255.702
Công thức nước dừa sâm	155.555.556	155.555.556
Phí bảo hiểm	77.665.827	-
Khác	200.746.488	104.700.146
TỔNG CỘNG	514.287.998	358.774.621

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)	60.000.000.000	18.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)	18.250.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.3)	102.910.000.000	-
TOTAL	181.160.000.000	18.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
Công ty Cổ phần Linh Chi Vina (i)	-	-	-	60	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh (ii)	85,7	60.000.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		60.000.000.000			18.000.000.000	

(i) Vào ngày 18 tháng 6 năm 2021, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 60% quyền sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Linh Chi Vina ("Linh Chi Vina") cho một nhà đầu tư khác theo Biên Bản Hợp Hội đồng Quản trị số 30/2021/Green+/BHH-HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2021 với tổng giá trị chuyển nhượng là 36.000.000.000 VND. Theo đó, Linh Chi Vina không còn là công ty con của Công ty con của Công ty tại ngày 18 tháng 6 năm 2021.

(ii) Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh ("Organic Tiến Thịnh") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0316756875 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Organic Tiến Thịnh có trụ sở chính đăng ký tại 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Organic Tiến Thịnh là bán buôn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi (i)	36.5	18.250.000.000	-	-

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi ("Đồng Khởi") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1301098657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 16 tháng 10 năm 2020 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Đồng Khởi có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 721, tờ bản đồ số 25, Ấp Quới Hưng, Xã Quới Sơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Đồng Khởi là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoạt động đi thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư vào đơn vị khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020			VND
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+ (i)	19	38.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công (ii)	19,3	29.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dream House (iii)	19	22.800.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Green Portal (iv)	19	13.110.000.000	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		102.910.000.000	-				

(i) Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+ ("Nhà thuốc và Phòng khám Green+") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNEKKD số 1301104678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 30 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNEKKD điều chỉnh. Nhà thuốc và Phòng khám Green+ có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 21, Ấp Phú Chiến, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Nhà thuốc và Phòng khám Green+ là giao dịch và tiếp thị thuốc. Trong năm, Công ty đã bán 3.200.000 cổ phần tại Nhà thuốc và Phòng khám Green+ cho bên thứ ba. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Nhà thuốc và Phòng khám Green+ giảm xuống còn 19%.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công ("Học viện Khởi nghiệp Thành Công") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNEKKD số 1301054498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2018 và theo các GCNEKKD điều chỉnh. Học viện Khởi nghiệp Thành Công có trụ sở chính đăng ký tại 100D Hùng Vương, Khu phố 4, Phường 5, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Học viện Khởi nghiệp Thành Công là hoạt động cho thuê tài chính.

(iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dream House ("Dream House") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNEKKD số 0302073325 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2000 và theo các GCNEKKD điều chỉnh. Dream House có trụ sở chính đăng ký tại 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Dream House là bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

(iv) Công ty Cổ phần Green Portal ("Green Portal") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNEKKD số 0315525794 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 3 năm 2019 và theo các GCNEKKD điều chỉnh. Green Portal có trụ sở chính đăng ký tại 259A Trần Xuân Soạn, Phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Green Portal là cung cấp thông tin điện tử trực tuyến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Linh Chi Vina	99.000.000	323.144.000
Khác	586.328	-
TỔNG CỘNG	99.586.328	323.144.000

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	159.852.311	786.932.559	(946.784.870)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.664.356.268	2.595.980.603	(1.664.356.268)	2.595.980.603
Thuế thu nhập cá nhân	31.116.353	269.097.698	(154.509.112)	145.704.939
TỔNG CỘNG	1.855.324.932	3.652.010.860	(2.765.650.250)	2.741.685.542
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	28.247.094	934.064.073	(835.152.229)	127.158.938

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	25.000.000.000	-
Mượn tiền (Thuyết minh số 29)	25.000.000.000	-
Dài hạn	92.500.000	334.800.000
Nhận ký quỹ, ký cược	92.500.000	334.800.000
TỔNG CỘNG	25.092.500.000	334.800.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Ngắn hạn	7.057.268.966	3.890.150.442	(7.057.268.966)	3.890.150.442
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	4.343.028.966	3.890.150.442	(4.343.028.966)	3.890.150.442
Vay dài hạn đến hạn trả	2.714.240.000	-	(2.714.240.000)	-
Dài hạn	15.321.600.000	2.714.240.000	(18.035.840.000)	-
Vay dài hạn ngân hàng	15.321.600.000	2.714.240.000	(18.035.840.000)	-
TỔNG CỘNG	22.378.868.966	6.604.390.442	(25.093.108.966)	3.890.150.442

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	3.890.150.442	Từ ngày 22 tháng 2 năm 2022 đến ngày 24 tháng 5 năm 2022	6,9	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 là AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2 Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Giản, Thành phố Đà Nẵng Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 030/NHNT-KH/TC/20 ký ngày 3 tháng 1 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

				VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	120.000.000.000	-	7.270.538.018	127.270.538.018
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	10.122.006.335	10.122.006.335
Số cuối năm	120.000.000.000	-	17.392.544.353	137.392.544.353
Năm nay				
Số đầu năm	120.000.000.000	-	17.392.544.353	137.392.544.353
Phát hành cổ phần (*)	200.000.000.000	40.000.000.000	-	240.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	14.997.280.962	14.997.280.962
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (**)	-	-	(374.000.000)	(374.000.000)
Số cuối năm	320.000.000.000	40.000.000.000	32.015.825.315	392.015.825.315

(*) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 09/BB-TDX, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 3.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 30.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 150.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 19 tháng 1 năm 2021. Cũng tại ngày này, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Dược Xanh thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 11/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 11.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 110.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 260.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 7 vào ngày 8 tháng 2 năm 2021.

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 15/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 6.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 60.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 320.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 3 năm 2021.

Việc phát hành cổ phiếu trên đã được hoàn thành vào ngày 9 tháng 4 năm 2021, với tổng số cổ phiếu phổ thông mới được phát hành cho các nhà đầu tư là 200.000.000 cổ phiếu với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 120.000.000.000 VND lên 320.000.000.000 VND.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 10/2021/GREEN+/ĐHĐCĐ-TN ngày 2 tháng 6 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua việc trích thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với số tiền là 374.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	Số lượng cổ phần	% sở hữu
Ông Đặng Đức Thành	11.693.000	36,54	3.193.000	26,61
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	6.000.000	18,75	-	-
Các cổ đông khác	14.307.000	44,71	8.807.000	73,39
TỔNG CỘNG	32.000.000	100	12.000.000	100

20.3 Cổ phiếu

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	32.000.000	12.000.000
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).		

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	10.507.222.664	8.794.935.661
Doanh thu cho thuê mặt bằng	584.303.493	1.338.118.874
Doanh thu nhượng quyền thuê sạp	-	6.979.813.635
TỔNG CỘNG	11.091.526.157	17.112.868.170
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	5.839.329.976	17.112.868.170
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	5.252.196.181	-

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ hoạt động đầu tư	25.487.017.015	9.583.220.100
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.192.654.496	3.328.243
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	111.028	-
TỔNG CỘNG	27.679.782.539	9.586.548.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	5.133.380.524	3.021.521.697
Giá vốn cho thuê ô vữa, mặt bằng	563.531.732	728.209.809
Giá vốn nhượng quyền thuê sạp	-	7.405.907.842
TỔNG CỘNG	5.696.912.256	11.155.639.348

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	3.685.922.091	295.211.120
Chi phí lãi vay	445.612.573	2.077.295.896
Lỗ chênh lệch tỷ giá	131.047.355	143.959.832
TỔNG CỘNG	4.262.582.019	2.516.466.848

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	2.593.377.861	1.340.867.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.458.525.946	786.694.000
Chi phí tiếp thị	565.356.613	-
Chi phí bao bì	230.560.000	86.363.978
Chi phí khác	338.935.302	467.809.667
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.637.808.509	4.771.332.968
Chi phí nhân viên	4.441.737.131	3.610.037.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	888.835.601	208.341.731
Chi phí dự phòng	683.361.013	291.326.013
Ứng hộ phòng dịch Covid-19	500.000.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	330.212.502	163.312.500
Chi phí khác	793.662.262	498.315.708
TỔNG CỘNG	10.231.186.370	6.112.200.613

25. THU NHẬP KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
Hoạt động tài trợ	80.000.000	-
Chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phiếu	-	5.074.372.000
Thu nhập khác	42.600.000	155.191.038
TỔNG CỘNG	122.600.000	5.229.563.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài trợ	725.011.000	99.333.324
Khấu hao tài sản ngưng hoạt động	59.996.160	59.996.160
Khác	324.959.326	198.980.655
TỔNG CỘNG	1.109.966.486	358.310.139

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	4.971.895.102	10.490.442.148
Chi phí nhân công	4.441.737.131	3.610.037.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.920.999.896	1.043.570.185
Chi phí khấu hao tài sản cố định	885.462.496	718.562.496
Khác	2.708.003.999	1.405.228.116
TỔNG CỘNG	15.928.098.626	17.267.839.961

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN năm nay	2.595.980.603	1.664.356.268

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.593.261.565	11.786.362.603
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	3.518.652.313	2.357.272.522
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	189.891.405	20.379.290
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 114/2020/NĐ-CP (*)	-	(713.295.544)
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 92/2021/NĐ-CP (**)	(1.112.563.115)	
Chi phí thuế TNDN	2.595.980.603	1.664.356.268

(*) Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp của năm 2020 theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ VND.

(**) Theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 27 tháng 10 năm 2021 quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15, Công ty đã điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN tương ứng với 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ VND và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND	
				Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Công ty trong cùng Tập đoàn	Góp vốn	70.000.000.000	-	-
		Bán hàng hóa	5.229.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh	Công ty con	Góp vốn	60.000.000.000	-	-
		Mượn tiền	25.000.000.000	-	-
Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch HĐQT	Góp vốn	58.800.000.000	9.435.000.000	-
		Tạm ứng	38.800.000.000	-	-
		Hoàn ứng	38.800.000.000	-	-
		Chi hộ	73.800.000	350.000.000	-
Bà Đặng Bích Vân	Cổ đông	Góp vốn	39.000.000.000	-	-
		Bán hàng hóa	13.078.727	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công	Công ty trong cùng Tập đoàn	Góp vốn	29.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi	Công ty liên kết	Góp vốn	18.250.000.000	-	-
		Bán hàng hóa	4.472.000	-	-
Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	Tạm ứng		19.059.000.000	
			18.000.000.000		
		Hoàn ứng	18.000.000.000	19.059.000.000	
		Bán hàng hóa	5.145.454	-	-
Công ty Cổ phần Green Portal	Bên liên quan	Góp vốn	13.110.000.000	-	-
		Mua dịch vụ	1.338.636.364	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: (ti

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bà Lâm Thị Thanh Bích	Bên liên quan của Tổng Giám Đốc	Mua dịch vụ	-	7.176.140.000
Ông Lê Đình Phong	Cổ đông	Tạm ứng	-	360.000.000

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

				VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	<u>5.752.450.000</u>	<u>-</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh	Công ty con	Mượn tiền	<u>25.000.000.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao, thưởng của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.780.000.000	975.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	239.000.000	492.000.000
Từ 1 – 5 năm	36.000.000	275.000.000
TỔNG CỘNG	275.000.000	767.000.000

31. ĐẠI DỊCH COVID-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 17/2021/Green+/NQ-ĐHĐCĐ, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 9.600.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu tương đương giá trị là 96.000.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của công ty đã tăng lên thành 415.940.000.000 VND. Vào ngày 29 tháng 3 năm 2022, Công ty nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre cập nhật vốn điều lệ trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2022

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính theo GCNĐKDN của Công ty là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng và cho thuê mặt bằng.

Công ty có năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Lâm Đồng, Bà Rịa – Vũng Tàu, An Giang và Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch	
Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Huây	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2021
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Nhật Quang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Đỗ Khánh Vinh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Công Lộc	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Công Thánh	Phó Tổng Giám đốc	

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	từ ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	đến ngày 5 tháng 4 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính của Nhóm Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2022

Số tham chiếu: 61656017/22692763-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 16 tháng 5 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Mạnh Đăng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1



Phạm Xuân Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4639-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 5 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		249.186.824.881	95.043.945.077
110	I. Tiền	5	18.873.580.089	28.847.763.880
111	1. Tiền		18.873.580.089	28.847.763.880
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		62.889.000.000	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	13.100.354.462	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(211.354.462)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	50.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		161.768.201.942	55.572.399.814
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	21.636.836.638	6.977.163.798
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	33.717.839.600	1.293.277.766
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	40.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	66.785.251.451	47.593.284.263
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(371.725.747)	(291.326.013)
140	IV. Hàng tồn kho	11	5.448.563.785	10.469.905.128
141	1. Hàng tồn kho		5.448.563.785	10.469.905.128
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		207.479.065	153.876.255
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	80.320.127	124.238.843
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	127.158.938	28.637.412
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	1.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		194.604.418.990	79.741.461.568
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		643.250.000	643.250.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	643.250.000	753.250.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(110.000.000)
220	II. Tài sản cố định		11.786.630.838	18.283.392.895
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	9.059.024.594	15.495.790.491
222	Nguyên giá		9.870.500.000	19.677.001.455
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(811.475.406)	(4.181.210.964)
227	2. Tài sản vô hình	13	2.727.606.244	2.787.602.404
228	Nguyên giá		2.999.808.000	2.999.808.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(272.201.756)	(212.205.596)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	60.264.083.348	40.729.333.344
231	1. Nguyên giá		62.300.000.000	42.210.000.000
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.035.916.652)	(1.480.666.656)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		97.133.302	19.697.133.302
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		97.133.302	19.697.133.302
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		121.135.272.936	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16.1	18.225.272.936	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.2	102.910.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		678.048.566	388.352.026
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	678.048.566	261.352.032
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	-	1.711.219
269	3. Lợi thế thương mại	19	-	125.288.775
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		443.791.243.871	174.785.406.644

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.708.454.250	24.755.996.271
310	I. Nợ ngắn hạn		14.615.954.250	9.099.596.271
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		99.586.328	-
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	3.000.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.503.676.185	1.866.997.928
314	4. Phải trả người lao động		181.295	14.093.100
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		120.000.000	46.740.658
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	84.909.091
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		2.360.000	29.586.528
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	3.890.150.442	7.057.268.966
330	II. Nợ dài hạn		92.500.000	15.656.400.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		92.500.000	334.800.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	15.321.600.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		429.082.789.621	150.029.410.373
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	429.082.789.621	150.029.410.373
411	1. Vốn cổ phần		320.000.000.000	120.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320.000.000.000	120.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.000.000.000	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		55.212.547.997	17.822.041.526
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		17.448.041.526	7.753.153.718
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		37.764.506.471	10.068.887.808
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.5	13.870.241.624	12.207.368.847
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		443.791.243.871	174.785.406.644

Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 5 năm 2022


Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	564.375.099.704	19.315.693.170
11	2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	23	(525.329.072.387)	(12.746.853.208)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.046.027.317	6.568.839.962
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	29.017.352.815	9.587.060.764
22	5. Chi phí tài chính	24	(4.262.582.019)	(2.516.466.848)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(445.612.573)	-
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết		(24.727.064)	-
25	7. Chi phí bán hàng	25	(2.627.921.444)	(1.416.213.990)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(8.960.846.157)	(5.333.827.073)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.187.303.448	6.889.392.815
31	10. Thu nhập khác		122.600.000	5.229.563.038
32	11. Chi phí khác	26	(1.110.085.379)	(358.604.099)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác		(987.485.379)	4.870.958.939
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.199.818.069	11.760.351.754
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(9.505.920.288)	(1.676.295.210)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(1.711.219)	1.711.219
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		41.692.186.562	10.085.767.763
61	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		37.764.506.471	10.068.887.808
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.5	3.927.680.091	16.879.955
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.4	1.347	808
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.4	1.347	808

Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 5 năm 2022


Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

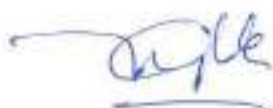
VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.199.818.069	11.760.351.754
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 19	1.423.623.057	1.718.002.382
03	Hoàn nhập dự phòng		80.399.734	350.294.513
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	46.047
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(25.574.723.692)	(6.682.004.664)
06	Chi phí lãi vay	24	445.612.573	2.077.295.896
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.574.729.741	9.223.985.928
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(58.745.556.138)	16.096.757.293
10	Tăng hàng tồn kho		(1.505.032.265)	(2.596.177.242)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.661.282.127	(712.161.319)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(385.881.562)	7.552.378.699
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(12.889.000.000)	790.400.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(445.612.573)	(2.077.295.896)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(3.797.065.040)	(1.096.798.382)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(47.532.135.710)	27.181.089.081
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(3.828.000.000)	(19.690.909.091)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(90.000.000.000)	-
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(153.110.545.872)	(16.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác		47.099.839.270	29.835.324.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		5.885.377.045	3.840.664
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(193.953.329.557)	(5.851.744.427)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21	250.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		6.604.390.442	7.302.411.344
34	Tiền trả nợ gốc vay		(25.093.108.966)	(5.673.622.378)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		231.511.281.476	1.628.788.966

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(9.974.183.791)	22.958.133.620
60	Tiền đầu năm		28.847.763.880	5.889.676.307
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(46.047)
70	Tiền cuối năm	5	18.873.580.089	28.847.763.880



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính theo GCNĐKDN của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng, phân bón, đầu tư tài chính và cho thuê mặt bằng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 26 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 37).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có một công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty như sau:

Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh ("Organic Tiến Thịnh") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0316756875 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Organic Tiến Thịnh có trụ sở chính đăng ký tại 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Organic Tiến Thịnh là bán buôn chuyên doanh khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm 85,7% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Sổ dư các tài khoản giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc năm kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa

30 - 50 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Hoạt động chính của Nhóm Công ty chủ yếu là thương mại, do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

4. THANH LÝ CÔNG TY CON

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong Công ty Cổ phần Linh Chi Vina ("Linh Chi Vina") cho nhà đầu tư khác theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2021/Green+/BBH-HĐQT với giá trị là 36.000.000.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 17.510.452.916 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	18.858.607.089	28.718.450.829
Tiền mặt	14.973.000	129.313.051
TỔNG CỘNG	18.873.580.089	28.847.763.880

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	12.544.354.462	12.427.000.000	(117.354.462)	-	-	-	
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	556.000.000	462.000.000	(94.000.000)	-	-	-	
TỔNG CỘNG	13.100.354.462	12.889.000.000	(211.354.462)	-	-	-	

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây có kỳ hạn gốc là mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất là 4,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	15.884.386.638	6.950.305.098
Ông Lâm Văn Xuân	15.000.000.000	-
Bà Lâm Thị Bích Trâm	-	3.145.410.000
Ông Mã Thành Đạt	-	1.912.412.730
Khác	884.386.638	1.892.482.368
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	5.752.450.000	26.858.700
TỔNG CỘNG	21.636.836.638	6.977.163.798
Dự phòng phải thu khó đòi	(371.725.747)	(291.326.013)
GIÁ TRỊ THUẦN	21.265.110.891	6.685.837.785

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi:

	VND
	Năm nay
	Năm trước
Số đầu năm	291.326.013
Dự phòng trích lập trong năm	80.399.734
Số cuối năm	371.725.747

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND
	Số cuối năm
	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tổng Đại Địa Ốc Việt Nam	29.000.000.000
Công ty TNHH Phân Bón Hưng Phú	3.000.000.000
Công ty Xây dựng Ngân Tháp	1.100.000.000
Ginseng and Herb Co-op	477.849.600
Khác	139.990.000
TỔNG CỘNG	33.717.839.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công	40.000.000.000	-

Đây là khoản cho vay tín chấp đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2022 và hưởng lãi suất 1%/năm.

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	66.785.251.451	47.593.284.263
Phải thu từ bên khác	64.970.456.930	47.593.284.263
<i>Tạm ứng nhân viên</i>	37.372.000.000	4.249.470.000
<i>Ông Phạm Văn Sơn</i>	25.000.000.000	-
<i>Lãi tiền gửi</i>	2.154.166.667	-
<i>Chi trả hộ</i>	-	441.290.263
<i>Khác</i>	444.290.263	42.902.524.000
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	1.814.794.521	-
Dài hạn	643.250.000	753.250.000
Ký quỹ ký cược	643.250.000	643.250.000
Khác	-	110.000.000
TỔNG CỘNG	67.428.501.451	48.346.534.263

11. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	5.244.024.520	6.161.714.976
Hàng gửi đi bán	172.503.062	144.961.478
Công cụ dụng cụ	32.036.203	32.036.203
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.528.970.406
Thành phẩm	-	1.602.222.065
TỔNG CỘNG	5.448.563.785	10.469.905.128

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	18.014.500.000	376.828.000	1.285.673.455	19.677.001.455
Mua trong năm	-	-	3.338.000.000	3.338.000.000
Giảm do thanh lý công ty con	(11.482.000.000)	(376.828.000)	(1.285.673.455)	(13.144.501.455)
Số cuối năm	6.532.500.000	-	3.338.000.000	9.870.500.000
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(3.213.033.336)	(133.333.320)	(834.844.308)	(4.181.210.964)
Khấu hao trong năm	(486.240.721)	(18.410.957)	(270.772.559)	(775.424.237)
Giảm do thanh lý công ty con	3.100.461.557	151.744.277	892.953.961	4.145.159.795
Số cuối năm	(598.812.500)	-	(212.662.906)	(811.475.406)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	14.801.466.664	243.494.680	450.829.147	15.495.790.491
Số cuối năm	5.933.687.500	-	3.125.337.094	9.059.024.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND
Quyền sử dụng đất

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm 2.999.808.000

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm (212.205.596)

Hao mòn trong năm (59.996.160)

Số cuối năm (272.201.756)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 2.787.602.404

Số cuối năm 2.727.606.244

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

Quyền sử
dụng đất

Nhà cửa,
vật kiến trúc

Tổng cộng

Nguyên giá:

Số đầu năm 20.000.000.000 22.210.000.000 42.210.000.000

Chuyển từ xây dựng cơ bản
dở dang 20.090.000.000 - 20.090.000.000

Số cuối năm 40.090.000.000 22.210.000.000 62.300.000.000

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm - (1.480.666.656) (1.480.666.656)

Hao mòn trong năm - (555.249.996) (555.249.996)

Số cuối năm - (2.035.916.652) (2.035.916.652)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 20.000.000.000 20.729.333.344 40.729.333.344

Số cuối năm 40.090.000.000 20.174.083.348 60.264.083.348

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá thị trường của các khu đất liền kề, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	80.320.127	124.238.843
Khác	80.320.127	124.238.843
Dài hạn	678.048.566	261.352.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.080.695	-
Công thức nước dừa sâm	155.555.556	155.555.556
Chi phí bảo hiểm	77.665.827	-
Khác	200.746.488	105.796.476
TỔNG CỘNG	758.368.693	385.590.875

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh 16.1</i>)	18.225.272.936	-
Đầu tư vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh 16.2</i>)	102.910.000.000	-
TỔNG CỘNG	121.135.272.936	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi ("Đồng Khởi")	36,5	18.225.272.936	-	-	-

Đồng Khởi là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1301098657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 16 tháng 10 năm 2020 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Đồng Khởi có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 721, tờ bản đồ số 25, Ấp Quới Hưng, Xã Quới Sơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Đồng Khởi là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Đồng Khởi	VND Tổng cộng
Giá gốc đầu tư:			
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	70.000.000.000	18.250.000.000	88.250.000.000
Giảm trong năm	(70.000.000.000)	-	(70.000.000.000)
Số cuối năm	-	18.250.000.000	18.250.000.000
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết:			
Số đầu năm	-	-	-
Phần lỗ trong năm	(646.357.214)	(24.727.064)	(671.084.278)
Thanh lý trong năm	646.357.214	-	646.357.214
Số cuối năm	-	(24.727.064)	(24.727.064)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	18.225.272.936	18.225.272.936

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+ (i)	19	38.000.000.000			
Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công (ii)	19,3	29.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dream House (iii)	19	22.800.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Green Portal (iv)	19	13.110.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG		102.910.000.000	-	-	-

(i) Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+ ("Nhà thuốc và Phòng khám Green+") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1301104678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 30 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Nhà thuốc và Phòng khám Green+ có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 21, Ấp Phú Chiến, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Nhà thuốc và Phòng khám Green+ là giao dịch và tiếp thị thuốc. Trong năm, Công ty đã bán 3.200.000 cổ phần tại Nhà thuốc và Phòng khám Green+ cho bên thứ ba. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Nhà thuốc và Phòng khám Green+ giảm xuống còn 19%.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công ("Học viện Khởi nghiệp Thành Công") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 130105449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2018 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Học viện Khởi nghiệp Thành Công có trụ sở chính đăng ký tại 100D Hùng Vương, Khu phố 4, Phường 5, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Học viện Khởi nghiệp Thành Công là cho thuê tài chính.

(iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dream House ("Dream House") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0302073325 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2000 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Dream House có trụ sở chính đăng ký tại 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Dream House là bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

(iv) Công ty Cổ phần Green Portal ("Green Portal") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0315525794 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 3 năm 2019 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Green Portal có trụ sở chính đăng ký tại 259A Trần Xuân Soạn, Phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Green Portal là cung cấp thông tin điện tử trực tuyến.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tổng trong năm	Giảm do chuyển nhượng công ty con	Giảm trong năm	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.673.337.420	9.505.920.288	(35.171.422)	(3.797.065.040)	7.347.021.246
Thuế giá trị gia tăng	159.852.311	786.932.559	-	(946.784.870)	-
Thuế thu nhập cá nhân	33.808.197	281.047.698	576.337	(158.777.293)	156.654.939
TỔNG CỘNG	1.866.997.928	10.573.900.545	(34.595.085)	(4.902.627.203)	7.503.676.185
Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	28.637.412	934.064.073	-	(835.542.547)	127.158.938
Thuế khác	1.000.000	727.620	(1.727.620)	-	-
TỔNG CỘNG	29.637.412	934.791.693	(1.727.620)	(835.542.547)	127.158.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phân Bón Hưng Phú	3.000.000.000	-

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Nguyên giá:	
Số đầu năm	357.967.930
Giảm do thanh lý	(357.967.930)
Số cuối năm	-
Giá trị phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	(232.679.155)
Phân bổ trong năm	(32.952.664)
Giảm do thanh lý	265.631.819
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	125.288.775
Số cuối năm	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
				VND
Ngắn hạn	7.057.268.966	3.890.150.442	(7.057.268.966)	3.890.150.442
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	4.343.028.966	3.890.150.442	(4.343.028.966)	3.890.150.442
Vay dài hạn đến hạn trả	2.714.240.000	-	(2.714.240.000)	-
Dài hạn	15.321.600.000	2.714.240.000	(18.035.840.000)	-
Vay dài hạn ngân hàng	15.321.600.000	2.714.240.000	(18.035.840.000)	-
TỔNG CỘNG	22.378.868.966	6.604.390.442	(25.093.108.966)	3.890.150.442

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây	3.890.150.442	Từ ngày 22 tháng 2 năm 2022 đến ngày 24 tháng 5 năm 2022	6,9	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 5 tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre Quyền sử dụng đất và nhà ở tại căn hộ số 1.09 và 1.10 lô AB chung cư Aview 1 KDC 13C, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh, TP.HCM Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tầng 2 Khu chung cư - Thương mại cao cấp Bàu Thạc Giàn, Thành phố Đà Nẵng Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 030/NHNT-KH/TC/20 ký ngày 3 tháng 1 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	120.000.000.000	-	7.753.153.718	127.753.153.718
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	10.068.887.808	10.068.887.808
Số cuối năm	120.000.000.000	-	17.822.041.526	137.822.041.526
Năm nay				
Số đầu năm	120.000.000.000	-	17.822.041.526	137.822.041.526
Phát hành cổ phần (*)	200.000.000.000	40.000.000.000	-	240.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	37.764.506.471	37.764.506.471
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (**)	-	-	(374.000.000)	(374.000.000)
Số cuối năm	320.000.000.000	40.000.000.000	55.212.547.997	415.212.547.997

(*) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 09/BB-TDX, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 3.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 30.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 150.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 19 tháng 1 năm 2021. Cũng tại ngày này, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 11/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 11.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 110.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 260.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 7 vào ngày 8 tháng 2 năm 2021.

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 15/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 6.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 60.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 320.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 3 năm 2021.

Việc phát hành cổ phiếu trên đã được hoàn thành vào ngày 9 tháng 4 năm 2021, với tổng số cổ phiếu phổ thông mới được phát hành cho các nhà đầu tư là 200.000.000 cổ phiếu với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 120.000.000.000 VND lên 320.000.000.000 VND.

(**) Theo Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 10/2021/GREEN+/ĐHĐCĐ-TN ngày 2 tháng 6 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua việc trích thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với số tiền là 374.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	Số lượng cổ phần	% sở hữu
Ông Đặng Đức Thành	11.693.000	36,54	3.193.000	26,61
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	6.000.000	18,75	-	-
Các cổ đông khác	14.307.000	44,71	8.807.000	73,39
TỔNG CỘNG	32.000.000	100	12.000.000	100

21.3 Cổ phiếu

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	32.000.000	12.000.000
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).		

21.4 Lãi trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	37.764.506.471	10.068.887.808
Điều chỉnh giảm do trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (i)	-	(374.000.000)
Lãi thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	37.764.506.471	9.694.887.808
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	28.030.137	12.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.347	808

- (i) Lợi nhuận thuần dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trích thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.207.368.847	12.190.488.893
Lợi nhuận trong năm	3.927.680.091	16.879.955
Thanh lý công ty con	(12.264.807.314)	-
Mua mới công ty con	10.000.000.000	-
Số cuối năm	13.870.241.624	12.207.368.848

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán hàng	563.790.796.211	10.997.760.661
Doanh thu cho thuê mặt bằng	584.303.493	1.338.118.874
Doanh thu nhượng quyền thuê sạp	-	6.979.813.635
TỔNG CỘNG	564.375.099.704	19.315.693.170
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	256.656.019.704	12.180.564.081
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	307.719.080.000	7.135.129.089

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi chuyển nhượng cổ phần	24.997.469.931	9.583.220.100
Lãi tiền gửi	4.019.771.856	3.840.664
Lãi chênh lệch tỷ giá	111.028	-
TỔNG CỘNG	29.017.352.815	9.587.060.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	524.765.540.655	4.612.422.878
Giá vốn cho thuê mặt bằng	563.531.732	728.522.488
Giá vốn nhượng quyền thuê sạp	-	7.405.907.842
TỔNG CỘNG	525.329.072.387	12.746.853.208

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	3.685.922.091	295.211.120
Chi phí lãi vay	445.612.573	2.077.295.896
Lỗ chênh lệch tỷ giá	128.717.209	113.743.863
Khác	2.330.146	30.215.969
TỔNG CỘNG	4.262.582.019	2.516.466.848

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	2.627.921.444	1.416.213.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.484.881.575	819.112.378
Chi phí tiếp thị	565.356.613	-
Chi phí bao bì	230.560.000	112.916.037
Chi phí khấu hao	8.187.954	-
Chi phí hoa hồng	-	161.753.000
Khác	338.935.302	322.432.575
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.960.846.157	5.333.827.073
Chi phí nhân viên quản lý	5.030.067.647	3.823.397.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	890.930.620	254.209.413
Công cụ dụng cụ	683.361.013	-
Chi phí ủng hộ phòng chống dịch Covid	500.000.000	-
Chi phí khấu hao	418.102.282	344.780.318
Khác	1.438.384.595	911.440.326
TỔNG CỘNG	11.588.767.601	6.750.041.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ KHÁC

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài trợ	725.011.000	-
Khấu hao tài sản ngưng hoạt động	59.996.160	59.996.160
Khác	325.078.219	298.607.939
TỔNG CỘNG	1.110.085.379	358.604.099

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN năm nay	9.505.920.288	1.674.583.991
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.711.219)	1.711.219
TỔNG CỘNG	9.504.209.069	1.676.295.210

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.154.208.611	11.760.351.754
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	10.230.841.723	2.352.070.351
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	277.376.178	40.925.872
Lỗ trong công ty liên kết	14.067.304	-
Lãi từ thanh lý công ty con	97.909.417	-
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 114/2020/NĐ-CP (*)	-	(718.412.232)
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 92/2021/NĐ-CP (**)	(1.112.563.115)	-
Chi phí thuế TNDN	9.507.631.507	1.674.583.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

(*) Nhóm Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp của năm 2020 theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ VND.

(**) Theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 27 tháng 10 năm 2021 quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15, Nhóm Công ty đã điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN tương ứng với 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ VND và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo hợp nhất kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Năm nay	Năm trước
Lãi chưa thực hiện	-	1.711.219	(1.711.219)	1.711.219
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.711.219		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(1.711.219)	1.711.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND	
				Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Công ty trong cùng Tập đoàn	Góp vốn	70.000.000.000	-	-
		Thoái vốn	32.000.000.000	-	-
		Bán hàng hóa	5.229.500.000	-	-
Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch HĐQT	Góp vốn	58.800.000.000	9.435.000.000	-
		Tạm ứng	38.800.000.000	-	-
		Hoàn ứng	38.800.000.000	-	-
		Chi hộ	73.800.000	350.000.000	-
Bà Đặng Bích Vân	Cổ đông	Góp vốn	39.000.000.000	-	-
		Bán hàng hóa	13.078.727	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thánh Công	Công ty trong cùng Tập đoàn	Góp vốn	29.000.000.000	-	-
Đồng Khởi	Công ty liên kết	Góp vốn	18.250.000.000	-	-
		Bán hàng hóa	4.472.000	-	-
Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	18.000.000.000	19.059.000.000	-
		Hoàn ứng	18.000.000.000	19.059.000.000	-
		Bán hàng hóa	5.145.454	-	-
		Khác	8.580.400	-	-
Công ty Cổ phần Green Portal	Công ty trong cùng Tập đoàn	Góp vốn	13.110.000.000	-	-
		Mua dịch vụ	1.338.636.364	-	-
Bà Lâm Thị Thanh Bích	Bên liên quan của Tổng Giám Đốc	Mua dịch vụ	-	7.176.140.000	-
Ông Lê Đình Phong	Cổ đông	Tạm ứng	-	360.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	5.752.450.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Khởi nghiệp Thành Công	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay	40.000.000.000	-
Phải thu khác				
Công ty Cổ phần Khởi nghiệp Thành Công	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi cho vay	1.814.794.521	-

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm 2020 như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao, thưởng của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	400.000.000	975.000.000

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	239.000.000	492.000.000
Từ 1 – 5 năm	36.000.000	275.000.000
TỔNG CỘNG	275.000.000	767.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. ĐẠI DỊCH COVID-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 17/2021/Green+/NQ-ĐHĐCĐ, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 9.600.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu tương đương giá trị là 96.000.000.000 VND. Theo đó, vốn điều lệ của công ty đã tăng lên thành 415.940.000.000 VND. Vào ngày 29 tháng 3 năm 2022, Công ty nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre cập nhật vốn điều lệ trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Quốc Việt
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2022

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN+**

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Số: 01/2022/TTr-HĐQT

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green+

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán của CTCP Tập đoàn Green+;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời điểm 31/12/2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022, cụ thể như sau:

I. Phân phối lợi nhuận giữ lại đến thời điểm 31/12/2021:

Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty Mẹ năm 2021	37.764.506.471
Quỹ thù lao HĐQT, BKS	400.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.132.935.194

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích lập 2022 dự kiến
Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty Mẹ năm 2022	100% LNST
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3% LNST
Quỹ thù lao HĐQT, BKS	3% LNST

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH****ĐẶNG ĐỨC THÀNH**



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN+

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: infor@greenplus.group

Số: 02/2022/TTr-HĐQT

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v: Kế hoạch lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green+

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Kế hoạch lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022, cụ thể như sau:

- ***Không vượt quá 3% lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty Mẹ năm 2022.***

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG ĐỨC THÀNH



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN+

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Số: 03/2022/TTr - HĐQT

Bến Tre, ngày 20 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2022

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green+

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+;
- Căn cứ danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức niêm yết của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh, minh bạch tài chính, kiểm soát rủi ro và mang lại giá trị cho các bên liên quan.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách các Công ty kiểm toán để kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+, cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
3. Công ty TNHH Price Waterhouse Cooper Việt Nam.
4. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán trên để thực hiện việc Kiểm toán BCTC năm 2022 cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẶNG ĐỨC THÀNH



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN +

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Số: 04/2022/TTr-HĐQT

Bến Tre, ngày 20 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green+

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Theo quy định tại Khoản 20 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: “Công ty đại chúng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp gần nhất tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành”.

Trên cơ sở đó, nhằm tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động của Công ty cũng như đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị đã xây dựng Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

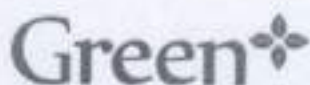
- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẶNG ĐỨC THÀNH



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN+

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Số: 05/2022/TT-BKS

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Theo quy định tại Khoản 20 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP: “Công ty đại chúng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp gần nhất tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành”.

Trên cơ sở đó, nhằm tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động của Công ty cũng như đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Ban kiểm soát đã xây dựng Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

HÀNG NHẬT QUANG



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN+

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Số: 06/2022/TTr-HĐQT

Bến Tre, ngày 20 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green+

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Để nâng cao năng lực tài chính, tạo vị thế cạnh tranh đối với các Công ty cùng ngành và đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, tiếp tục củng cố nội lực tạo ra nhân tố đột phá nhằm đưa tốc độ tăng trưởng lên cao trong giai đoạn các năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung sau:

1. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (**Phương án đính kèm**).
2. Giao và ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị quyết định mọi vấn đề và thực hiện các thủ tục, công việc cần thiết khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẶNG ĐỨC THÀNH



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN +

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Số: 01/2022/GREEN+/PA-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 20 tháng 04 năm 2022

**PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU
ĐỂ TĂNG VỐN CỔ PHẦN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+;
- Quy định của pháp luật hiện hành;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+
- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ hiện nay:** 415.940.000.000 đồng
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành:** 41.594.000 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : **41.594.000 cổ phiếu**

6. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến

- Vốn điều lệ trước phát hành : 415.940.000.000 đồng
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng : 124.782.000.000 đồng

Trong đó:

- Số vốn điều lệ dự kiến tăng để phát hành cổ phiếu : 124.782.000.000 đồng
tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ phát hành 30%)
- Vốn điều lệ sau khi phát hành : 540.722.000.000 đồng

II. CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa:** 12.478.200 (Mười hai triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn hai trăm) cổ phiếu.
- **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:** 124.782.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ bảy trăm tám mươi hai triệu đồng).
- **Tỷ lệ số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 30% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- **Tỷ lệ thực hiện quyền, phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):** 10:03. Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 10 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 03 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ xem như chưa phát hành.
- **Ví dụ:** Cổ đông A sở hữu 109 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:03, cổ đông A được nhận $(109/10)*3 = 32,7$ cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 32 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu lẻ 0,7 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- **Nguồn vốn phát hành:** thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối, nguồn thực hiện được căn cứ trên Báo cáo tài chính của công ty mẹ tại thời điểm thực hiện phương án.
- **Phương thức phát hành:** Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- **Mục đích phát hành:** nhằm tăng vốn điều lệ phục vụ cho nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.
- **Điều khoản chuyển nhượng:**
 - Quyền nhận cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng.
 - Cổ phiếu phát hành thêm bằng hình thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Thời gian thực hiện: Sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

III. ỦY QUYỀN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÁC VẤN ĐỀ CHUNG KHÁC

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên;
- Hoàn chỉnh việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (do thay đổi vốn điều lệ) sau khi có Báo cáo kết quả phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre sau khi có Báo cáo kết quả phát hành với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre;
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu được thành công;
- Ngoài các nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện Phương án phát hành, HĐQT ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết khác bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án phát hành (bao gồm cả các quyết định về nội dung chưa được trình bày trong Phương án phát hành) theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện Phương án phát hành thành công, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng Quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG ĐỨC THÀNH



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN+

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Số: 07/2022/TTr-HĐQT

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v: Chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green+

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+;
- Quy định của pháp luật hiện hành;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 10.000.000 cổ phiếu
5. Tổng mệnh giá cổ phiếu dự kiến phát hành: 100.000.000.000 VNĐ
6. Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
7. Thời gian dự kiến phát hành: Thời điểm cụ thể được giao cho HĐQT quyết định
8. Giá chào bán: Không thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính của Quý gần nhất và không thấp hơn giá giao dịch của cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.
9. Mục đích phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung cho nguồn vốn hoạt động và kinh doanh của Công ty.
10. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Chủ động xây dựng Phương án phát hành cụ thể để trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Hoàn chỉnh việc sửa đổi Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký ngành nghề Công ty để phù hợp với các Quy định của Pháp luật liên quan đến việc chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư trước khi trình Phương án phát hành cụ thể;
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre;
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu được thành công;
- Ngoài các nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện Phương án phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết khác bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án phát hành (bao gồm cả các quyết định về nội dung chưa được trình bày trong Phương án phát hành) theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện Phương án phát hành thành công, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Hội đồng Quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG ĐỨC THÀNH



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN+

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Số: 08/2022/TTr - HĐQT

Bến Tre, ngày 20 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v: Thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green+

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Với mục tiêu tăng cường các cơ hội đầu tư, hợp tác với đối tác nước ngoài, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Thay đổi ngành nghề kinh doanh:

STT	Ngành nghề kinh doanh đang có	Đề xuất thay đổi	Lý do
1	4772: Hoạt động Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	Loại bỏ	Tăng tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài
2	4649: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.	Loại bỏ	

2. Giao và ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị quyết định mọi vấn đề và thực hiện các thủ tục, công việc cần thiết khác liên quan đến việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐẶNG ĐỨC THÀNH



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN GREEN+

Lô AIV-1 KCN Giao Long GD2, An Phước, Châu Thành, Bến Tre

Website: www.greenplus.group Email: info@greenplus.group

Số: 09/2022/TTr - HĐQT

TP.HCM, ngày 03 tháng 05 năm 2022

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

V/v: Bầu Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Kính trình: Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Green+

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thực hiện bầu cử 01 (một) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong cơ cấu HĐQT Công ty từ Danh sách ứng viên sau:

STT	Họ và Tên	Được Đề cử/Ứng cử
1	Phạm Hoàng Lương, CCCD số: 001064022793, cấp ngày 19/04/2021, tại: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Được cổ đông đề cử vào ngày 03/05/2022

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẶNG ĐỨC THÀNH